TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **127**/2022/HC-PT
Ngày 12-5-2022
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng*: Ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 10/2022/TLPT-HC ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2021/HC-ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1512/2022/QĐPT-HC ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Vợ chồng ông Lê Minh T, sinh năm 1950, bà Phan Thị Thanh V, sinh năm 1956 (chết). Địa chỉ cư trú: Khu phố N, thị trấn C, huyện T1, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Minh T:

+ Ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Số 46 đường L, phường Y, thành phố T2, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

+ Ông Trương Sĩ H, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Khu phố N1, phường Y1, thành phố T2, Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Minh T: Luật sư Nguyễn Tấn H1, Văn phòng luật sư L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Địa chỉ:

Số 16A/2 đường L2, phường 2, thành phố T2, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện T1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T1, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hoài N2 – Chuyên viên. Vắng mặt.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Th – Chuyên viên. Vắng mặt.

3. UBND thị trấn C, huyện T1, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. Vợ chồng anh Lê Văn L2, sinh năm 1981 và chị Trương Thị Diệu D, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ cư trú: Khu phố N, thị trấn C, huyện T1, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Chị Lê Thị Minh L3, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Khu phố N, thị trấn C, huyện T1, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà V:

1. Chị Lê Thị Minh L4, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã A, huyện T1, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2 Chị Lê Thị Minh L5, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Thôn D1, xã A1, huyện T1, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Ông Lê Minh T (người khởi kiện). Vắng mặt.

4. Anh Lê Văn L2 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan). Vắng mặt.

5. Chị Lê Thị Minh L3 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông T sử dụng thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01, tại khu phố N, thị trấn C, huyện T1, tỉnh Phú Yên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất diện tích 238m^2, trên đất có nhà ở diện tích 80m^2 do cha mẹ để lại. Vì diện tích đất ở quá nhỏ, gia đình có nhiều thế hệ sinh sống tại thửa đất 320 (gồm vợ chồng ông T bà V, vợ chồng anh L2 chị D và chị Lê Thị Minh L3) nên vào năm 1993 vợ chồng ông T quyết định mua căn nhà diện tích 80,4m^2 của ông Nguyễn Th tại phía Nam cầu N, thị trấn C. Đến năm 2006 thì vợ chồng ông T cùng chị Lê Thị Minh L3 chuyển đến sinh sống tại ngôi nhà này.

Ngày 25/11/2007, vợ chồng ông T lập Giấy giao nhà, đất (thửa 320) cho vợ

chồng anh L2 chị D quản lý, sử dụng và có trách nhiệm sửa chữa, xây dựng nhà từ đường để thờ cúng ông bà tổ tiên, có xác nhận của những người trong gia tộc. Mặc dù thời điểm này không thực hiện thủ tục chuyển QSD đất theo quy định pháp luật nhưng việc bàn giao nhà, đất là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên phải được công nhận là đã tặng cho nhà, đất.

Năm 2014, nhà nước thu hồi, giải tỏa toàn bộ nhà, đất mà vợ chồng ông T bà V và chị Liễu đang sinh sống để thực hiện dự án mở rộng quốc lộ 1. Khi tổ chức bốc thăm đất tái định cư, ông T đã bốc thăm trúng lô đất số 15A1. Ngay sau buổi bốc thăm thì cán bộ địa chính chỉ dẫn, xác định vị trí, ranh giới thửa đất tại thực địa để ông T xây dựng móng nhà hoàn thành trong năm 2014.

Năm 2017, vợ chồng ông T có đơn yêu cầu UBND huyện cấp GCNQSD đất (lô đất tái định cư) để xây dựng nhà ở nhưng UBND huyện có Công văn số 169/UBND ngày 14/7/2017 trả lời không đủ điều kiện tái định cư vì vợ chồng ông T đã có nhà ở khác tại khu phố N, thị trấn C. UBND huyện ban hành Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 và Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 điều chỉnh việc tái định cư đối với hộ ông T nhưng không giao cho vợ chồng ông T hai quyết định này cho đến khi vợ chồng ông T nhận được Công văn số 169/UBND ngày 14/7/2017.

Ngày 18/8/2017, vợ chồng ông T lập thủ tục tặng cho QSD đất, sang tên QSD thửa đất số 320 cho vợ chồng anh L2 và ngày 08/9/2017 được cấp GCNQSD đất đứng tên vợ chồng anh L2. Trong năm 2017, vợ chồng ông T có đơn khiếu nại quyết định điều chỉnh không giao đất tái định cư cho vợ chồng ông T thì Chủ tịch UBND huyện giải quyết không công nhận đơn khiếu nại. Sau đó, vợ chồng ông T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh, ngày 08/9/2020 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1559/QĐ-UBND công nhận đơn khiếu nại. Lẽ ra, UBND huyện phải giao đất tái định cư cho ông T, nhưng ngày 27/10/2020 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 4930/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại, không công nhận đơn khiếu nại của vợ chồng ông T.

Do đó, vợ chồng ông T khởi kiện yêu cầu Tòa hủy: Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh bổ sung; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh bổ sung; Quyết định số 432/QĐ-CT ngày 19/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh T (lần đầu); Quyết định số 1022/QĐ-CT ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh T (lần đầu); Quyết định số 4930/QĐ-CT ngày 27/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh T (lần đầu).

Buộc UBND huyện T1 công nhận cho vợ chồng ông T được quyền sử dụng thửa đất số 15A1 (diện tích 120m^2) tại khu tái định cư thuộc khu phố Chí Đức, thị trấn C, huyện T1, tỉnh Phú Yên và cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông T.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T1, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1 thống nhất quan điểm của UBND huyện T1 và Chủ tịch UBND huyện T1 trình bày tại Văn bản số 224/UBND ngày 02/02/2021:

Ngày 06/6/2014, Hội đồng họp xét giao đất tái định cư tại thị trấn C đã thống nhất hộ ông T được giao đất tái định cư, có thu tiền sử dụng đất. Ngày 17/6/2014, UBND thị trấn lập danh sách các hộ có nhà ở bị giải tỏa, được tái định cư, trong đó có hộ ông T. Ngày 28/6/2014 tổ chức bốc thăm đất tái định cư thì ông T bốc thăm trúng lô đất số 15A1. Theo Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thì có 08 hộ được tái định cư (trong đó có hộ ông T).

Tuy nhiên, sau đó tiến hành rà soát lại các trường hợp được tái định cư thì hộ ông T đã có nhà ở tại khu phố N nên không đủ điều kiện để được bố trí tái định cư. Do đó, UBND huyện ban hành Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 không có tên hộ ông T được tái định cư. Căn cứ khoản 1 Điều 22 Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh thì ông T không được hỗ trợ tái định cư.

Vợ chồng ông T bà V có nhà ở tại thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01, diện tích 238m^2 (150m^2 đất ở và 88m^2 đất vườn), đã được cấp GCNQSD đất năm 2007. Việc vợ chồng ông T tặng cho QSD đất này cho vợ chồng anh L2 vào ngày 08/9/2017 (sau khi thực hiện dự án năm 2014). Do đó, vợ chồng ông T yêu cầu giao đất tái định cư là không đúng quy định pháp luật.

Ông T khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh, tại Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh đã hủy Quyết định số 1022/QĐ-CT ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện để giải quyết lại vì áp dụng không đúng pháp luật. Sau đó, Chủ tịch UBND huyện đã áp dụng Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh để giải quyết khiếu nại của ông T thì hộ ông T cũng không đủ điều kiện để được tái định cư.

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh và Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT thì ông T không được hỗ trợ tái định cư. Vì thời điểm thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường về đất (năm 2014) vợ chồng ông T có hai nhà ở (nhà ở bị thu hồi và nhà ở tại thửa đất số 320). Do đó, yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T là không có cơ sở.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, UBND thị trấn C trình bày:

Thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01, tại khu phố N, thị trấn C, huyện T1 đã được cấp GCNQSD đất cho ông T vào ngày 16/3/2007. Đến ngày 08/9/2017 vợ chồng ông T lập thủ tục tặng cho QSD đất cho vợ chồng anh L2. Thửa đất số 02 (bản đồ giải phóng mặt bằng năm 2014) do ông Nguyễn Th tạo lập, sử dụng trước ngày 15/10/1993, xây dựng nhà ở và một phần sử dụng làm vườn. Quá trình sử dụng thửa đất chuyển nhượng qua nhiều người và cuối cùng là ông T

nhận chuyển nhượng, sử dụng vào mục đích đất ở cho đến khi bị thu hồi đất thực hiện dự án.

Các đương sự Lê Văn L2, Trương Thị Diệu D, Lê Thị Minh L3, Lê Thị Minh L4 và Lê Thị Minh L5 (do Lê Văn L2 đại diện) thống nhất với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2021/HC-ST, ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; điểm c khoản 2 Điều 83, điểm b khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Minh T, bà Phan Thị Thanh V.

Về yêu cầu hủy:

- Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh bổ sung để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1 đoạn qua thị trấn C, huyện T1.

- Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh bổ sung để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1 đoạn qua thị trấn C, huyện T1.

- Quyết định số 432/QĐ-CT ngày 19/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh T (lần đầu).

- Quyết định số 1022/QĐ-CT ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh T (lần đầu).

- Quyết định số 4930/QĐ-CT ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh T (lần đầu).

Về yêu cầu:

- Ủy ban nhân dân huyện T1 công nhận cho vợ chồng ông Lê Minh T, bà Phan Thị Thanh V được quyền sử dụng thửa đất số 15A1 (diện tích 120m^2) tại khu tái định cư thuộc khu phố Chí Đức, thị trấn C, huyện T1, tỉnh Phú Yên.

- Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Lê Minh T, bà Phan Thị Thanh V thửa đất số 15A1 (diện tích 120m^2) tại khu tái định cư thuộc khu phố Chí Đức, thị trấn C, huyện T1, tỉnh Phú Yên.

Vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí, chí phí xem xét thẩm định và quyền kháng cáo cho đương sự.

Ngày 07/12/2021, ông Lê Minh T kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Lê Minh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh L2 và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của ông Lê Minh T:

[1.1]. Về yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh bổ sung để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1 đoạn qua thị trấn C, huyện T1; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh bổ sung để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1 đoạn qua thị trấn C, huyện T1; Quyết định số 432/QĐ-CT ngày 19/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh T (lần đầu); Quyết định số 1022/QĐ-CT ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh T (lần đầu); Quyết định số 4930/QĐ-CT ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh T (lần đầu); nhận thấy:

Năm 1993, vợ chồng ông T mua căn nhà diện tích 80,4m^2 của ông Nguyễn Th tại phía Nam cầu N, thị trấn C. Đến năm 2006 thì vợ chồng ông T cùng chị Lê Thị Minh L3 chuyển đến sinh sống tại ngôi nhà này. Năm 2014, thực hiện Dự án mở rộng nâng cấp Quốc lộ 1A thì toàn bộ diện tích nhà đất tiếp giáp Quốc lộ 1A bị ảnh hưởng thu hồi; trong đó có hộ ông T, Nhà nước đã tiến hành bồi thường giá trị đất và tài sản bị thu hồi, ông T đã nhận tiền đền bù và không khiếu nại gì.

Ngày 13/11/2014, UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 1314/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1 đoạn phía Nam cầu N, thị trấn C, huyện T1 (lần 2); trong đó hộ ông T được xét giao đất tái định cư, có thu tiền sử dụng đất.

Ngày 28/6/2014 tổ chức bốc thăm tái định cư thì hộ ông T trúng lô đất số 15A1. Tuy nhiên, sau đó tiến hành rà soát lại các trường hợp được tái định cư thì hộ ông T đã có nhà ở tại thửa đất số 320, tờ bản đồ số 01, diện tích 238m^2 (150m^2 đất ở và 88m^2 đất vườn), đã được cấp GCNQSD đất năm 2007, tại khu phố N, thị trấn C, huyện T1. Ngoài ra, vợ chồng ông T còn có 117,2m^2 đất ở tại thửa số 668, tờ bản đồ số 01, loại đất đô thị tại Khu phố N, thị trấn C, huyện T1, được UBND huyện T1 cấp GCNQSD đất ngày 08/7/2014.

Theo quy đinh tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013: "Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình... mà phải di chuyển chỗ ở" và Điều 23 Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên: Điều 23. Các trường hợp được bố trí tái định cư, diện tích đất ở tái định cư quy định:

"1. Hộ gia đình, cá nhân bị Nhà nước thu hồi đất thì được bố trí tái định cư theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT, một số trường hợp được quy định như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân có nhà ở trước thời điểm công bố qui hoạch khi Nhà nước thu hồi đất mà đất bị thu hồi có đủ điều kiện được bồi thường, phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác;

b) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi hết đất ở nhưng chưa xây dựng nhà ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại không phù hợp quy hoạch xây dựng nhà ở mà không có chỗ ở và đất ở nào khác;

c) Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ an toàn, phải di chuyển chỗ ở hoặc có nhu cầu di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác;

d) Hộ gia đình, cá nhân có nhà ở trước thời gian công bố quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhưng ở trên đất của người khác có đủ điều kiện được bồi thường về đất mà không có chỗ ở nào khác. Hộ gia đình, cá nhân có nhà ở trước thời gian công bố quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên đất không có đủ điều kiện được bồi thường về đất mà việc xây dựng nhà không vi phạm quy hoạch, không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đình chỉ mà không có chỗ ở nào khác";

Theo quy định trên thì hộ ông T không đủ điều kiện để được bố trí tái định cư. Do đó, UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 22/6/2016, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh bổ sung để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1 đoạn qua thị trấn C, huyện T1, đưa hộ ông T ra khỏi danh sách được bố trí tái định cư là có căn cứ, đúng quy định. Do đó, án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông về các yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh bổ sung để thực hiện dự án đầu tư xây

dựng công trình mở rộng quốc lộ 1 đoạn qua thị trấn C, huyện T1; Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư điều chỉnh bổ sung để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1 đoạn qua thị trấn C, huyện T1; Quyết định số 432/QĐ-CT ngày 19/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh T (lần đầu); Quyết định số 1022/QĐ-CT ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh T (lần đầu); Quyết định số 4930/QĐ-CT ngày 27/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Minh T (lần đầu) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[1.2]. Về yêu cầu công nhận cho vợ chồng ông Lê Minh T, bà Phan Thị Thanh V được quyền sử dụng thửa đất số 15A1 (diện tích 120m^2) tại khu tái định cư thuộc khu phố Chí Đức, thị trấn C, huyện T1, tỉnh Phú Yên và buộc Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông đối với thửa đất số 15A1 (diện tích 120m^2) tại khu tái định cư thuộc khu phố Chí Đức, thị trấn C, huyện T1, tỉnh Phú Yên; nhận thấy: Như phân tích tại Mục [1.1] nêu trên thì hộ ông Lê Minh T không đủ điều kiện để được bố trí tái định cư, không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013, nên yêu cầu này là không có căn cứ.

Ông Lê Minh T kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Minh T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Lê Minh T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 83, điểm b khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013; Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Minh T, bà Phan Thị Thanh V.

2. Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2021/HC-ST ngày 24-11-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng

hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000159 ngày 09-12-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên. Ông Lê Minh T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào